Tom vung mái chèo đập một cú trái tay thật mạnh vào đầu Dickie. Mép mái chèo tạo ra một vết thương sâu kéo theo một dòng máu chảy ra khi anh nhìn. Dickie ở phía đuôi thuyền, lảo đảo, loạng choạng. Anh ta gầm lên một tiếng phản đối khiến Tom sợ vì cả độ lớn lẫn sức mạnh trong đó. Tom đánh vào bên cổ anh ta, ba lần, những cú băm bằng mép mái chèo, như thể nó là cái rìu còn cổ Dickie là cái cây. Con thuyền chao đảo, nước bắn lên bàn chân đang trụ vào mép thuyền của anh. Anh đập vào trán của Dickie và một vệt máu lớn từ từ chảy ra từ nơi mái chèo vừa chạm vào. Trong một khoảnh khắc, Tom nhận thức rõ sự mệt mỏi khi anh nâng và đập, vậy nhưng bàn tay của Dickie vẫn vươn về phía anh từ cuối thuyền, đôi chân dài của anh ta duỗi thẳng ra để đẩy anh ta về phía trước. Tom nắm lấy cán mái chèo và đâm nó vào mạng sườn của Dickie. Rồi cơ thể đã kiệt sức ấy rũ xuống, sõng soài bất động. Tom đứng thẳng dậy, cố gắng ổn định lại hơi thở.

Anh nhìn xung quanh. Không có con thuyền nào, không có gì hết, chỉ có một đốm trắng nhỏ xíu ở tít đằng xa lượn từ phải sang trái, một chiếc xuồng máy đang phóng về bờ.

Anh dừng lại và giật cái nhẫn xanh của Dickie ra. Anh cất nó đi. Chiếc nhẫn còn lại chặt hơn nhưng nó vẫn tuột ra khỏi đốt ngón tay đang chảy máu. Anh kiểm tra túi quần, xu Pháp và xu Ý. Anh để chúng lại. Anh lấy một chùm khóa có ba chìa khóa. Rồi anh nhặt áo khoác của Dickie lên và lấy gói nước hoa của Marge ra khỏi túi. Thuốc lá và bật lửa bạc của Dickie, một mẩu bút chì, cái ví da cá sấu và vài tấm thiệp nhỏ trong túi áo ngực. Tom nhét tất cả vào trong túi áo khoác nhung của mình. Rồi anh với lấy sợi dây nằm trên tảng xi măng trắng. Một đầu dây thừng được buộc vào cái vòng sắt ở mũi thuyền. Tom cố gắng tháo nó ra. Đó là một nút thắt quỷ quái, ướt sũng, không chịu nhúc nhích, hẳn đã được buộc nhiều năm rồi. Anh đấm nó. Anh phải có một con dao.

Anh nhìn Dickie. Anh ta chết chưa? Tom cúi người trên mũi thuyền hẹp quan sát Dickie, tìm dấu hiệu của sự sống. Anh sợ không dám chạm vào anh ta, sợ chạm vào ngực hoặc cổ tay anh ta để tìm mạch đập. Tom quay người và kéo sợi dây một cách điên cuồng, tới khi anh nhận ra mình chỉ càng làm cho nó thắt chặt hơn.

Bật lửa của anh. Anh mò mẫm lấy nó ra khỏi cái quần của mình nằm ở phía đuôi thuyền. Anh bật lửa và giữ một phần sợi dây khô trên ngọn lửa. Sợi dây thừng dày khoảng bốn centimet. Nó cháy chậm, rất chậm và Tom nhân vài phút đó nhìn quanh một lần nữa. Ông chủ thuyền người Ý có thể nhìn thấy anh ở khoảng cách này không? Sợi dây màu xám cứng ngắc không chịu bắt lửa, chỉ hơi bén lửa và ra khói, chậm rãi đứt từng sợi một. Tom kéo mạnh nó và bật lửa của anh tắt ngóm. Anh bật lửa lại và tiếp tục kéo sợi dây. Khi nó đứt hẳn, anh quấn bốn vòng quanh mắt cá chân trần của Dickie trước khi có thời gian để thấy sợ. Anh còn vụng về thắt một nút thắt khổng lồ, siết thật chặt để bảo đảm nó sẽ không tuột ra, bởi vì anh không giỏi thắt nút lắm. Anh ước tính sợi dây dài khoảng mười đến mười hai mét. Anh trở nên lạnh lùng hơn, làm việc trơn tru và cẩn thận hơn. Cái neo xi măng sẽ vừa đủ nặng để giữ cái xác ở dưới, anh nghĩ. Cái xác sẽ hơi dạt đi, nhưng sẽ không trồi lên mặt nước.

Tom quăng cái neo xuống. Nó chìm xuống qua làn nước trong vắt và tạo ra một dải bong bóng, biến mất và cứ thế chìm cho tới khi sợi dây thừng kéo căng cổ chân của Dickie. Đến lúc ấy Tom nhấc hai cổ chân anh ta qua mạn thuyền và đang cố đẩy phần nặng nhất, hai vai, qua mép thuyền. Bàn tay mềm oặt của Dickie vẫn ấm và rũ xuống. Bả vai vẫn nằm trên đuôi thuyền và khi anh kéo mạnh, cánh tay dường như căng ra như cao su, cơ thể không hề nhúc nhích lấy một phân. Tom quỳ một gối xuống và cố hẩy anh ta qua mạn thuyền. Nó làm cho con thuyền tròng trành. Anh đã quên béng đại dương, thứ duy nhất khiến anh sợ. Anh nghĩ mình sẽ phải hẩy anh ta qua đuôi thuyền vì phần đó chìm dưới nước nhiều hơn. Anh kéo cơ thể mềm rũ về phía mạn đuôi, di sợi dây vòng quanh mép thuyền. Qua sức nổi của cái neo trong nước, anh có thể nhận thấy nó vẫn chưa chạm đáy. Giờ anh bắt đầu với đầu và vai của Dickie, lật xác anh ta nằm sấp và đẩy ra từng tí một. Đầu Dickie đã chúi xuống nước, mép thuyền cắt ngang eo anh ta và giờ chân anh ta nặng như chì, chống cự lại lực của Tom bằng sức nặng khủng khiếp của nó, hệt như vai anh ta, lúc này dính chặt vào đuôi thuyền như nam châm. Tom hít một hơi thật sâu và nhấc chân anh ta lên. Dickie tuột qua thành, nhưng Tom mất thăng bằng và ngã vào bánh lái. Động cơ xuồng đột ngột gầm lên.

Tom lao người chộp lấy cần gạt, nhưng đồng thời con thuyền còn lượn một đường vòng cung hiểm ác. Trong khoảnh khắc anh thấy nước ngay dưới thân mình và tay anh vươn về phía nó, bởi vì anh đã cố nắm lấy mạn thuyền nhưng mạn thuyền không còn ở chỗ cũ nữa.

Anh đã bị rơi xuống nước.

Anh thở hổn hển, đẩy cơ thể lên, nắm chặt lấy thuyền. Anh nắm trượt. Con thuyền đã xoáy vòng vòng. Tom lại rướn lên rồi chìm xuống sâu hơn, sâu đến mức mặt nước dần phủ lên đầu anh với sự chậm rãi chết chóc nhưng lại quá nhanh đến mức anh không kịp lấy hơi, nước xộc vào mũi và mắt. Thuyền lao đi xa hơn. Anh đã từng nhìn thấy kiểu xoáy đó: nó không bao giờ dừng lại cho tới khi có người trèo vào trong và dừng động cơ. Giờ đây, trong làn nước trống rỗng chết chóc, anh chịu đựng cảm giác chết dần, một lần nữa chìm nghỉm dưới mặt nước, tiếng động cơ điên rồ nhỏ dần khi nước tràn vào trong tai, bịt hết mọi âm thanh chỉ trừ những âm thanh cuồng loạn mà anh phát ra bên trong, hít thở, vật lộn, máu chảy dồn dập tuyệt vọng. Anh lại ngoi lên và tự động tìm về phía con thuyền, vì nó là thứ duy nhất đang nổi, dù nó đang xoay mòng mòng và không thể chạm vào, mũi thuyền sắc nhọn lướt qua anh hai lần, ba lần, bốn lần, trong khi anh cố hít vào một hơi.

Anh hét lên cầu cứu. Anh chẳng phát ra âm thanh nào trừ một miệng đầy nước. Tay anh chạm vào con thuyền bên dưới mặt nước và bị đẩy ra khi mũi thuyền lao tới như một con thú. Anh điên cuồng với tay bám lấy đuôi thuyền, không chú ý tới lưỡi chân vịt. Các ngón tay của anh sờ thấy đuôi lái. Anh lặn xuống nhưng không kịp. Sống thuyền đập vào đỉnh đầu anh rồi lao vụt qua. Giờ thì đuôi tàu lại đóng lại và anh cố bám lấy nó, các ngón tay trượt trên đuôi lái. Tay còn lại của anh bám lấy mạn đuôi. Anh giơ thẳng một tay, đẩy cơ thể tránh xa chân vịt. Với một nguồn năng lượng bộc phát, anh đu người lên một góc mạn dưới, vắt một cánh tay qua mép. Rồi anh với tay chạm vào cần gạt.

Động cơ bắt đầu chậm lại.

Tom níu lấy mép thuyền bằng cả hai tay, tâm trí trống rỗng vì nhẹ nhõm, vì không thể tin nổi, cho tới khi anh cảm nhận được cơn bỏng rát trong họng, cảm giác đau quặn trong lồng ngực sau mỗi hơi thở.

Anh nghỉ ngơi một lúc lâu, có thể là hai hoặc mười phút, không nghĩ gì mà chỉ tập trung lấy lại sức lực đủ để lôi mình lên thuyền và cuối cùng anh chậm rãi nhảy lên nhảy xuống trong nước và quăng người úp mặt vào trong lòng thuyền, chân vẫn vắt qua mép. Anh nghỉ ngơi, lờ mờ nhận thức được dòng máu của Dickie trơn tuột dưới lòng bàn tay, một thứ ẩm ướt hòa lẫn với nước chảy ra từ mũi và miệng anh. Anh bắt đầu nghĩ trước khi có thể cử động, về con thuyền đầy máu và không thể trả lại, về cái động cơ mà anh sẽ phải ngồi dậy khởi động trong giây lát. Về phương hướng.

Về nhẫn của Dickie. Anh cảm thấy chúng trong túi áo khoác. Chúng vẫn ở đó, sau cùng thì điều gì có thể xảy đến với chúng chứ? Anh ho sặc sụa, nước mắt làm nhòe tầm nhìn khi anh cố nhìn xung quanh xem có con thuyền nào gần đó hay đang tiến về phía này không. Anh dụi mắt. Không có con thuyền nào trừ cái xuồng nhỏ rực rỡ ở đằng xa, vẫn đang lượn vòng cung, hoàn toàn không chú ý tới anh. Tom nhìn đáy thuyền. Anh có thể rửa sạch chúng không? Nhưng máu rất khó rửa, anh vẫn luôn nghe nói thế. Anh đã định trả thuyền và giả dụ nếu người trông thuyền hỏi bạn anh đâu thì anh sẽ nói đã thả anh ta lên bờ rồi. Giờ thì không thể trả nó lại được nữa.

Tom dịch chuyển cần gạt một cách cẩn trọng. Động cơ khởi động và đến điều đó cũng làm anh sợ, nhưng nó có vẻ dễ điều khiển nên cũng bớt đáng sợ hơn. Anh lái xiên về hướng bờ, phía Bắc San Remo. Có lẽ anh có thể tìm một chỗ nào đó, một cái vịnh nhỏ hoang vắng nào đó ở gần bờ nơi anh có thể đậu thuyền và bỏ đi. Nhưng nếu họ tìm được con thuyền thì sao? Vấn đề có vẻ nghiêm trọng. Anh cố trở lại trạng thái lạnh lùng. Tâm trí anh có vẻ bất lực khi không biết làm sao để phi tang con thuyền.

Giờ anh có thể thấy hàng thông, một đường bờ biển nâu vàng, khô hạn, vắng vẻ và một cánh đồng ô-liu xanh xơ xác. Tom chậm rãi lái thuyền qua phải rồi qua trái vùng biển đó, xem thử có người không. Chẳng có ai. Anh hướng tới bãi biển hẹp, nông, điều khiển cần gạt một cách cẩn trọng vì không dám chắc liệu nó có rồ lên nữa không. Rồi anh cảm thấy mặt đất xóc nảy dưới mũi thuyền. Anh chuyển cần gạt về chế độ FERMA và chuyển một cái cần gạt khác để tắt hẳn động cơ. Anh thận trọng bước ra ngoài, nước sâu khoảng hai lăm phân. Anh kéo con thuyền lên xa hết mức có thể, rồi mang hai cái áo khoác, dép sandal của anh và hộp nước hoa của Marge từ thuyền lên bãi biển. Cái vịnh nhỏ nơi anh đang đứng - rộng chưa đến năm mét - cho anh cảm giác an toàn và riêng tư. Không có bất kỳ dấu hiệu nào cho thấy từng có người đặt chân đến đây. Tom quyết định đánh chìm con thuyền.

Anh bắt đầu thu thập đá, tất cả đều to cỡ đầu người bởi vì đó là tất cả những gì anh đủ sức mang và thả từng hòn một vào trong thuyền, nhưng cuối cùng anh phải dùng những viên đá nhỏ hơn bởi vì không còn đá to ở gần. Anh làm việc không ngừng nghỉ, sợ mình sẽ bất tỉnh vì kiệt sức nếu cho phép bản thân thả lỏng dù chỉ một giây, anh có thể sẽ nằm ngay đơ ra đó cho tới khi bị người khác nhìn thấy. Khi chỗ đá gần như ngang bằng mép thuyền, anh đẩy con thuyền ra khỏi bờ và lắc lư nó ngày một mạnh hơn cho tới khi nước tràn qua mép. Khi thuyền bắt đầu chìm dần, anh đẩy nó ra vùng nước sâu hơn, vừa đi vừa đẩy cho tới khi nước cao tới tận eo anh và con thuyền chìm xuống quá tầm tay. Rồi anh lê thân quay lại bãi biển và nằm xuống đó một lúc, úp mặt xuống cát. Anh bắt đầu vạch kế hoạch quay về khách sạn, câu chuyện sẽ kể, những động thái kế tiếp: rời San Remo trước khi màn đêm buông xuống, quay về Mongibello. Và câu chuyện ở đó.

# CHƯƠNG 13

M

ặt trời lặn là lúc những người Ý và mọi người khác trong làng, sau khi đã tắm rửa sạch sẽ và thay đồ, ngồi tụ tập bên những cái bàn trên vỉa hè của các quán cà phê, hau háu nhìn tất cả mọi người và mọi thứ ngang qua, háo hức đón xem mọi loại hình giải trí mà thị trấn có thể đem đến. Tom đi vào trong làng, chỉ mặc đúng quần bơi, sandal và áo khoác nhung của Dickie, kẹp quần và cái áo khoác dính một ít máu dưới cánh tay. Anh bước đi với vẻ thong dong chậm rãi vì đã kiệt sức, dù vẫn ngẩng cao đầu vì hàng trăm người đang nhìn anh chằm chằm khi anh đi qua các quán cà phê, con đường duy nhất tới khách sạn cạnh biển của mình. Anh đã tiếp sức cho mình với năm cốc espresso đầy đường và ba ly brandy ở một quán bar trên con đường ngay rìa San Remo. Giờ anh đang đóng vai một vận động viên trai trẻ đã dành cả chiều tập luyện bởi vì đó là sở thích đặc biệt của anh, một tay bơi giỏi và miễn nhiễm với nước lạnh, thích bơi đến tận cuối chiều trong một ngày lạnh giá. Anh về đến khách sạn, lấy chìa khóa ở bàn, lên phòng và gục xuống giường. Anh nghĩ sẽ tự cho mình một tiếng nghỉ ngơi, nhưng không được phép ngủ vì sợ sẽ mê man lâu hơn. Anh nghỉ ngơi và khi cảm thấy mình sắp chìm vào giấc ngủ, anh nhỏm dậy, đi tới bồn rửa, làm ướt mặt, lấy một cái khăn ướt rồi về lại giường, đơn giản chỉ vẫy nó trong tay nó để ngăn mình không thiếp đi.

Cuối cùng anh đứng dậy và bắt đầu xử lý vết máu dây ra trên ống quần nhung của mình. Anh dùng xà phòng và bàn chải móng cọ liên tục cho đến khi mệt lử ra và tạm dừng một lúc để đóng va-li. Anh cất đồ của Dickie hệt như anh ta vẫn làm, bàn chải và kem đánh răng ở trong túi sau bên trái. Rồi anh quay lại với cái ống quần. Áo khoác của anh dính quá nhiều máu đến mức không bao giờ có thể mặc lại nữa, anh sẽ phải tống khứ nó đi, nhưng anh có thể mặc áo khoác của Dickie, vì nó cùng màu be và gần như cùng kích cỡ. Tom đã sao chép nguyên bộ đồ của Dickie, được may bởi cùng một thợ ở Mongibello. Anh cất áo khoác của mình vào trong vali. Rồi anh mang vali xuống và hỏi thanh toán.

Nhân viên lễ tân hỏi bạn anh đâu và Tom nói anh sẽ gặp bạn mình ở ga tàu. Cậu ta vui vẻ mỉm cười, chúc Tom, “Chúc bạn có một chuyến đi vui vẻ.”

Tom dừng lại ở một nhà hàng cách đó hai con đường và ép mình phải ăn một bát canh thịt lấy sức. Anh vẫn để ý xem có ông chủ thuyền người Ý không. Anh nghĩ, cái chính là phải rời khỏi San Remo ngay tối nay, nếu không có tàu hoặc xe buýt thì phải đi taxi tới thị trấn lân cận.

Ở ga tàu Tom được biết rằng có một chuyến tàu xuôi về phía Nam lúc mười giờ hai tư. Tàu giường nằm. Sáng mai tỉnh giấc ở Rome và đổi tàu về Naples. Mọi chuyện có vẻ dễ dàng và đơn giản một cách kỳ cục, trong một thoáng đột nhiên cảm thấy tự tin, anh nghĩ mình sẽ tới Paris vài ngày.

“Đó là một khoảnh khắc,” anh nói với người bán vé đang chuẩn bị giao vé cho anh. Tom đi vòng quanh vali của mình, nghĩ về Paris. Qua đêm. Chỉ để xem nó thế nào, trong hai ngày chẳng hạn. Việc anh có kể với Marge hay không không quan trọng. Đột nhiên anh lại gạt bỏ ý tưởng tới Paris. Anh sẽ không thể thư giãn được. Anh quá háo hức muốn về Mongibello và xử lý đồ đạc của Dickie.

Ga trải giường phẳng phiu, trắng phau trên chiếc giường trên tàu có vẻ là thứ xa hoa tuyệt diệu nhất mà anh từng biết. Anh lấy tay vuốt ve chúng trước khi tắt đèn. Tấm chăn màu xanh xám sạch sẽ, công dụng tuyệt vời của cái lưới nhỏ màu đen trên đầu anh - Tom chìm vào một khoảnh khắc ngất ngây khi nghĩ tới tất cả những niềm vui giờ đang bày ra trước mặt anh với số tiền của Dickie, những chiếc giường, bàn ghế, đại dương, tàu, vali, áo sơ mi, những năm tháng tự do, những năm tháng khoái lạc. Rồi anh tắt đèn, ngả đầu xuống, gần như chìm vào giấc ngủ ngay lập tức, hạnh phúc, mãn nguyện và hoàn toàn tự tin, chưa từng cảm thấy tự tin đến vậy trong đời.

Ở Naples, anh dừng lại trong phòng vệ sinh nam của ga tàu và bỏ bàn chải và kem đánh răng của Dickie ra khỏi vali, cuộn chúng lại trong áo mưa cùng áo choàng nhung của anh và cái quần lốm đốm máu của Dickie. Anh mang cả đống đồ đó ra khỏi ga tàu, băng qua đường và nhét nó vào trong một cái túi rác bằng vải bố nằm cạnh tường trong con hẻm nhỏ. Rồi anh ăn sáng với bánh cuộn và một ly cà phê sữa ở một quán cà phê gần bến xe buýt và lên chuyến xe cũ khởi hành lúc mười một giờ về Mongibello.

Anh xuống xe và gần như dừng ngay trước mặt Marge, người đang mặc đồ tắm và áo khoác trắng lùng thùng mà cô ta luôn mặc ra biển.

“Dickie đâu rồi?” Cô ta hỏi.

“Anh ấy ở Rome.” Tom mỉm cười một cách thoải mái, đã chuẩn bị tất cả. “Anh ấy sẽ ở đó vài ngày. Tôi về đây để lấy một ít đồ hộ anh ấy.”

“Anh ấy đang ở nhờ nhà ai à?”

“Không, chỉ ở trong một khách sạn.” Với một nụ cười có ý tạm biệt, Tom mang vali của mình lên đồi. Một giây sau anh nghe tiếng sandal của Marge loẹt quẹt đuổi theo. Tom đợi. “Mọi thứ trong ngôi nhà ngọt ngào của chúng ta thế nào?” Anh hỏi.

“À, vô vị. Như thường lệ.” Marge mỉm cười. Cô ta không thoải mái với anh. Nhưng cô ta vẫn theo anh vào nhà - cửa không khóa và Tom lấy chiếc chìa khóa sắt lớn mở cửa hiên từ chỗ thường lệ, sau một cái chậu gỗ mục nát chứa đất và một bụi cây sắp chết - và cả hai cùng ra hiên. Cái bàn đã bị dịch chuyển đôi chút. Trên xích đu có một quyển sách. Marge đã ở đây từ khi họ đi, Tom nghĩ. Anh chỉ mới đi có ba ngày ba đêm nhưng cảm giác như thể đã đi cả tháng.

“Skippy thế nào?” Tom hỏi một cách vui vẻ, mở tủ lạnh, lấy một cái khay đá ra. Skippy là một con chó lạc mà Marge đã mang về mấy ngày trước, một con chó xấu xí lông pha đen trắng mà Marge chăm bẵm và nuôi ăn như một người hầu già ân cần.

“Nó bỏ đi rồi. Tôi cũng không nghĩ nó sẽ ở lại.”

“Ồ.”

“Có vẻ như anh đã rất vui vẻ,” Marge nói, có phần đăm chiêu.

“Chúng tôi đã rất vui.” Tom mỉm cười. “Tôi pha nước cho cô nhé?”

“Không, cảm ơn. Anh nghĩ Dickie sẽ đi vắng bao lâu?”

“À -” Tom cau mày trầm ngâm. “Tôi cũng không nắm được. Anh ấy nói muốn xem nhiều buổi triển lãm nghệ thuật ở đó. Tôi thì nghĩ anh ấy chỉ đang thích có chút thay đổi môi trường.” Tom rót cho mình một cốc gin đầy, thêm soda và một lát chanh. “Tôi đoán anh ấy sẽ quay lại sau một tuần. Mà tiện đây!” Tom lấy vali và lôi hộp nước hoa ra. Anh đã bỏ giấy bọc của cửa hàng vì nó dính máu. “Stradivari của cô. Chúng tôi đã mua được nó ở San Remo.”

“Ôi, cảm ơn - rất nhiều.” Marge nhận lấy nó, mỉm cười và bắt đầu mở ra, cẩn thận, mơ màng.

Tom căng thẳng dạo quanh hiên với cốc rượu của mình, không nói một lời với Marge, chờ cô ta ra về.

“À Marge nói khi đi ra hiên. “Anh sẽ ở bao lâu?”

“Ở đâu?”

“Ở đây.”

“Chỉ đêm nay thôi. Mai tôi sẽ tới Rome. Có thể là vào buổi chiều,” anh nói thêm, vì mai anh không thể lấy thư trước hai giờ.

“Chắc là tôi sẽ không gặp lại anh, trừ phi anh ra biển,” Marge nói, cố tỏ ra thân thiện. “Chúc anh vui vẻ phòng trường hợp tôi không gặp lại anh nữa. Mà bảo Dickie viết bưu thiếp về nhé. Anh ấy đang ở khách sạn nào thế?”

“À, ừm, tên nó là gì nhỉ? Chỗ gần quảng trường Spagna ý?”

“Khách sạn Inghilterra?”

“Đúng thế. Nhưng tôi nghĩ anh ấy sẽ lấy địa chỉ thư ở American Express.” Cô ta sẽ không cố gọi điện cho Dickie, Tom nghĩ. Và mai anh sẽ có ở khách sạn để nhận thư nếu cô ta gửi đi. “Có thể sáng mai tôi sẽ ra biển,” Tom nói.

“Được rồi. Cảm ơn vì nước hoa.”

“Đừng khách sáo thế!”

Cô ta ra lối đi dẫn tới cổng sắt và ra về.

Tom nhấc vali lên và chạy lên phòng ngủ của Dickie. Anh kéo ngăn tủ trên cùng của Dickie ra: thư, hai quyển sổ địa chỉ, vài quyển sổ tay nhỏ, một cái đồng hồ dây, vài cái chìa khóa lẻ và giấy tờ chính sách bảo hiểm nào đó. Anh mở các ngăn tủ khác ra, lần lượt từng cái một và cứ để chúng mở. Áo sơ mi, quần đùi, áo len gấp gọn và những chiếc tất vứt lộn xộn. Trong góc phòng có một núi cặp giấy và sổ vẽ đã cũ. Có rất nhiều việc phải làm. Tom cởi sạch đồ, trần truồng chạy xuống cầu thang và tắm nước lạnh thật nhanh, rồi mặc chiếc quần dài trắng cũ của Dickie đang treo trên một cái đinh trong tủ.

Anh bắt đầu từ ngăn kéo đầu tiên vì hai lý do: những bức thư gần đây rất quan trọng phòng trường hợp có những tình huống gấp cần phải được giải quyết ngay lập tức và cũng vì, trong trường hợp Marge tình cờ quay lại vào buổi chiều, trông anh không giống đang tháo dỡ mọi thứ quá nhanh. Nhưng ít nhất anh có thể bắt đầu, ngay từ chiều nay, đóng những bộ đồ đẹp nhất của Dickie vào mấy vali lớn nhất của anh ta, Tom nghĩ.

Đến nửa đêm Tom vẫn đang tà tà dọn dẹp ngôi nhà. Mấy chiếc vali của Dickie đều đã chất đầy đồ đạc, giờ anh đang ước tính xem đồ đạc trong nhà đáng giá bao nhiêu, mình nên để lại cho Marge thứ gì và nên giải quyết chỗ đồ còn lại như thế nào. Marge có thể giữ cái tủ lạnh chết tiệt đó. Điều đó hẳn sẽ làm hài lòng cô ta. Cái tủ chạm trổ trong phòng giải lao mà Dickie dùng cất đống đồ lanh cũng phải giá trị vài trăm đô la, Tom nghĩ. Anh ta từng nói nó bốn trăm năm tuổi khi Tom hỏi chuyện. Cinqueccento. Anh định nhờ ông Pucci, phó quản lý của Miramare, làm môi giới bán nhà và nội thất. Và bán cả thuyền nữa. Dickie đã kể với anh là ông Pucci làm những việc như vậy hộ dân làng.

Anh đã muốn mang toàn bộ đồ đạc của Dickie thẳng tới Rome, nhưng cân nhắc đến việc Marge có thể nghi ngờ khi thấy anh mang theo từng ấy đồ đạc trong một khoảng thời gian áng chừng là rất ngắn ngủi, anh quyết định tốt hơn hết là cứ giả vờ rằng sau này Dickie mới quyết định chuyển hẳn về Rome.

Tom xuống bưu điện vào khoảng ba giờ chiều hôm sau, nhận một bức thư thú vị từ một người bạn ở Mỹ gửi cho Dickie. Không có thư nào cho anh cả, nhưng khi từ tốn đi bộ về nhà, anh tưởng tượng mình đang đọc một bức thư từ Dickie. Anh tưởng tượng ra chính xác từng từ để có thể trích dẫn cho Marge, nếu buộc phải làm và thậm chí anh còn bắt mình cảm thấy đôi chút ngạc nhiên theo đúng lẽ thường trước sự đổi ý của Dickie.

Ngay khi về nhà, anh bắt đầu đóng gói những bức tranh và những món đồ lanh tốt nhất của Dickie vào một hộp các-tông lớn mà anh lấy từ Aldo, chủ cửa hàng tạp hóa trên đường lên đồi. Anh làm việc một cách bình tĩnh và có kế hoạch, chờ Marge ghé qua bất kỳ lúc nào, nhưng phải sau bốn giờ cô ta mới đến.

“Vẫn ở đây à?” Cô ta hỏi khi đi vào phòng của Dickie.

“Phải. Hôm nay tôi nhận được một bức thư từ Dickie. Anh ấy đã quyết định sẽ chuyển đến Rome.” Tom đứng thẳng dậy và mỉm cười, như thể chính anh cũng ngạc nhiên. “Anh ấy muốn tôi mang theo toàn bộ đồ đạc của anh ấy, tất cả những gì mà tôi có thể xử lý được.”

“Chuyển đến Rome? Bao lâu?”

“Tôi không biết. Rõ ràng là hết mùa đông.” Tom tiếp tục thắt các bức tranh sơn dầu.

“Cả mùa đông anh ấy sẽ không quay lại sao?” Marge lạc giọng hỏi.

“Không. Anh ấy nói có thể còn bán cả ngôi nhà này. Anh ấy vẫn chưa quyết định hẳn.”

“Trời ơi! - Đã có chuyện gì xảy ra?”

Tom nhún vai. “Rõ ràng là anh ấy muốn dành cả mùa đông ở Rome. Anh ấy nói sẽ viết thư cho cô đấy. Tôi tưởng cô cũng nhận được một bức thư chiều nay chứ.”

“Không.”

Im lìm. Tom vẫn tiếp tục làm việc. Anh nhận ra rằng anh hoàn toàn chưa thu dọn đồ đạc của mình. Anh thậm chí còn chưa vào phòng mình.

“Anh ấy vẫn tới Cortina phải không?” Marge hỏi.

“Không đâu. Anh ấy nói sẽ viết thư cho Freddie và hủy vụ đó. Nhưng cô vẫn có thể tham dự mà không cần anh ấy.” Tom quan sát cô ta. “Tiện đây, Dickie nói muốn cô lấy cái tủ lạnh đấy. Cô có thể nhờ ai đó giúp chuyển nó.”

Món quà tủ lạnh không hề có tác động gì tới khuôn mặt chết lặng của Marge. Tom biết cô ta đang tự hỏi có phải anh sẽ sống cùng Dickie hay không, rất có thể cô ta đã tự kết luận điều đó dựa trên thần thái tươi vui của anh. Tom thấy câu hỏi đã chực chờ trên môi cô ta - đối với anh cô ta dễ nhìn thấu như một đứa trẻ vậy - rồi cô ta hỏi, “Anh sẽ ở Rome cùng anh ấy à?”

“Có thể là trong thời gian đầu. Tôi sẽ giúp anh ấy ổn định ở đó. Tháng này tôi muốn tới Paris, rồi tôi đoán tầm giữa tháng Mười hai tôi sẽ quay lại Mỹ.”

Marge trông có vẻ chán nản. Tom biết cô ta đang mường tượng ra những tuần lễ cô đơn trước mặt – kể cả khi Dickie có định kỳ ghé qua Mongibello thăm cô ta đi nữa - những buổi sáng Chủ nhật trống rỗng, những bữa ăn lẻ loi. “Anh ấy định làm gì trong Giáng sinh? Anh nghĩ anh ấy muốn đón lễ ở đây hay ở Rome?”

Tom nói có phần bực dọc, “À, tôi không nghĩ là ở đây. Tôi có cảm giác anh ấy muốn ở một mình.”

Giờ cô ta sốc đến mức chết lặng và tổn thương. Cứ đợi tới khi cô ta nhận được bức thư mà anh sẽ viết từ Rome, Tom nghĩ. Tất nhiên, anh sẽ dịu dàng với cô ta, dịu dàng như Dickie vậy, nhưng không thể nhầm lẫn việc Dickie không muốn gặp lại cô ta nữa.

Vài phút sau, Marge đứng dậy và lơ đãng chào tạm biệt. Tom đột nhiên cảm thấy hôm nay cô ta sẽ gọi điện cho Dickie.

Hoặc thậm chí còn có thể đi tới Rome. Nhưng nếu cô ta làm thế thì có sao? Dickie có thể đã đổi khách sạn. Và có đủ khách sạn ở Rome để khiến cô ta bận rộn vài ngày, dù cô ta có tới tìm anh ta đi nữa. Khi không tìm được anh ta, dù bằng điện thoại hay trực tiếp ở Rome, cô ta sẽ cho rằng anh ta đã tới Paris hoặc một thành phố nào khác với Tom Ripley.

Tom đọc lướt qua tờ báo từ Naples để tìm bài báo về một con thuyền đắm được tìm thấy gần San Remo. Phát hiện một chiếc thuyền chìm gần San Remo, tiêu đề hẳn sẽ nói vậy. Và họ sẽ nhặng cả lên với những vết máu trên thuyền, nếu chúng vẫn còn ở đó. Đó là những gì mà mấy tờ báo Ý thích viết trong những bài báo cường điệu của họ: “Giorgio di Stefani, một thanh niên đánh cá ở San Remo, lúc ba giờ chiều ngày hôm qua đã có một phát hiện kinh khủng nhất ở độ sâu hai mét dưới mực nước biển. Một chiếc thuyền máy nhỏ, bên trong đầy những vệt máu khủng khiếp…” Nhưng không thấy gì trên báo hết. Ngày hôm qua cũng không. Có thể phải mất vài tháng người ta mới tìm thấy nó, anh nghĩ. Hoặc có thể nó sẽ chẳng bao giờ bị tìm thấy. Và cho dù họ tìm ra đi nữa thì làm sao họ biết Dickie Greenleaf và Tom Ripley đã đi cùng nhau chứ? Họ không hề báo tên với ông chủ thuyền người Ý ở San Remo. Ông ta chỉ đưa cho họ một cái vé màu vàng cam nhỏ xíu mà anh cất trong túi áo, sau đó tìm thấy và hủy đi.

Tom rời khỏi Mongibello bằng taxi vào khoảng sáu giờ, sau khi uống một cốc espresso ở Giorgio để chào tạm biệt Giorgio, Fausto và vài người quen khác trong làng của anh và Dickie. Anh kể với tất cả bọn họ cùng một câu chuyện, rằng anh Greenleaf sẽ ở Rome hết mùa đông và anh ấy gửi lời chào cho tới khi gặp lại họ. Tom nói rằng không nghi ngờ gì, chẳng bao lâu nữa Dickie sẽ về thăm lại nơi đây.

Anh đã đem đống đồ lanh và tranh của Dickie cho American Express đóng thùng chiều hôm đó và những thùng này được gửi tới Rome cùng với một cái hòm và hai cái vali khá nặng của Dickie, sẽ được Dickie Greenleaf nhận lại ở Rome. Tom mang hai vali của anh và một cái khác của Dickie lên taxi. Anh đã nói chuyện với ông Pucci ở Miramare và nói rằng có khả năng anh Greenleaf muốn bán nhà và đồ đạc, liệu ông ta có thể xử lý nó hộ được không? Ông ta nói rất sẵn lòng làm việc đó. Tom cũng đã nói chuyện với Pietro, người canh cầu cảng và nhờ anh ta để ý xem có ai muốn mua con thuyền Pipistrello không, vì khả năng cao là anh Greenleaf sẽ muốn tống khứ nó đi trong mùa đông này. Tom báo rằng anh Greenleaf sẽ muốn nó ra đi với giá năm trăm nghìn lia, chưa đến tám trăm đô la, một mức giá khá hời cho một con thuyền dành cho hai người, Pietro nghĩ mình có thể bán nó chỉ trong vài tuần.

Trên tàu tới Rome, Tom cẩn thận soạn trước trong đầu bức thư gửi cho Marge đến mức thuộc lòng và khi tới khách sạn Hassler, anh dùng máy đánh chữ Hermes Baby của Dickie mà anh mang theo và ngay lập tức viết bức thư.

Rome

28 tháng 11, 19-

Marge thân,

Anh đã quyết định thuê một căn nhà ở Rome trong mùa đông này, chỉ để thay đổi không khí và rời khỏi Mongy cũ kỹ một thời gian. Anh chỉ muốn được ở một mình. Anh xin lỗi vì chuyện này quá đột ngột và anh không có cơ hội chào tạm biệt em, nhưng thật ra thì anh cũng không ở xa lắm và anh hy vọng thỉnh thoảng sẽ được gặp em. Anh không thích việc đóng gói đồ đạc, nên đã quẳng gánh nặng đó cho Tom.

Về chuyện chúng ta, anh nghĩ nếu chúng ta dừng gặp nhau một thời gian thì cũng chẳng có hại gì và có thể còn cải thiện mọi chuyện. Anh có một cảm giác tồi tệ là anh đang làm em thấy chán, dù em thì không hề làm anh chán và xin đừng nghĩ rằng anh đang chạy trốn điều gì cả. Ngược lại, Rome sẽ đưa anh lại gần thực tại hơn. Mongy chắc chắn không làm được điều đó. Một phần cảm giác không hài lòng của anh liên quan đến em. Tất nhiên, việc anh bỏ đi không giải quyết được gì hết, nhưng nó sẽ giúp anh hiểu được tình cảm thực sự của mình đối với em. Vì lý do này, anh muốn dừng gặp em một thời gian, em yêu và anh hy vọng em sẽ thông cảm cho quyết định này của anh. Nếu em không thể - thì anh cũng không thể ép em, đó là nguy cơ anh chấp nhận. Anh có thể sẽ tới Paris vài tuần với Tom, vì anh ta đang muốn đến đó chết đi được. Kế hoạch là vậy, trừ phi anh bắt đầu vẽ bức tranh mới ngay lập tức. Mới gặp một họa sĩ tên là Di Massimo, anh rất thích các tác phẩm của ông ta, một ông chú già không có nhiều tiền và có vẻ rất sẵn lòng nhận anh làm học trò nếu anh chịu trả một ít học phí. Anh sẽ ở phòng vẽ của ông và vẽ cùng ông ta.

Thành phố này thật tuyệt với các vòi phun nước hoạt động suốt đêm và mọi người thức cả đêm, ngược hẳn với Mongy cũ kỹ. Em đã hiểu nhầm về Tom. Anh ta sẽ quay lại Mỹ sớm và anh cũng không quan tâm khi nào, dù anh ta thật sự không tệ và anh cũng không ghét anh ta. Dẫu sao đi nữa, anh ta cũng chẳng liên quan gì tới chuyện của chúng ta và anh hy vọng em nhận ra điều đó.

Viết thư cho anh qua địa chỉ American Express, Rome cho tới khi anh biết mình sẽ ở đâu nhé. Sẽ báo tin cho em khi anh tìm được một căn hộ. Trong lúc đó cứ giữ cho nhà luôn ấm áp, tủ lạnh luôn hoạt động và cả máy đánh chữ của em cũng vậy. Anh hết sức xin lỗi về vụ Giáng sinh, em yêu, nhưng anh không nghĩ mình nên gặp lại em sớm như vậy và em có thể ghét anh vì điều đó hoặc không.

Trọn tình yêu,

Dickie

Tom vẫn đội mũ từ khi đi vào khách sạn và anh đã đưa hộ chiếu của Dickie thay vì hộ chiếu của anh cho quầy lễ tân, dù các khách sạn, như anh đã để ý, chẳng bao giờ nhìn vào ảnh mà chỉ sao chép số hộ chiếu. Anh đã ký tên đăng ký với chữ ký khá là thoáng và bay bướm của Dickie, hai chữ R và G lớn lồng vào nhau. Khi đi ra ngoài để gửi thư, anh tới một hàng dược phẩm cách đó vài con phố và mua vài món đồ trang điểm mà anh nghĩ có thể mình cần. Anh đã trêu chọc cô gái bán hàng người Ý, khiến cô ta nghĩ rằng anh mua chúng cho vợ, người đã đánh mất bộ trang điểm và đang ở lỳ trong khách sạn với cái bụng lép kẹp.

Anh dành cả tối hôm đó tập ký chữ ký của Dickie cho séc ngân hàng. Khoản tiền được nhận hàng tháng của anh ta sẽ từ Mỹ đến trong chưa đầy mười ngày nữa.

# CHƯƠNG 14

N

gày hôm sau anh chuyển tới khách sạn Europa, một khách sạn giá tầm trung gần Via Veneto, vì Hassler hào nhoáng hơn đôi chút, anh nghĩ, loại khách sạn như vậy thường được những người mê điện ảnh ghé thăm, nên Freddie Miles hoặc những người quen Dickie giống anh ta có thể sẽ chọn ở đó nếu họ tới Rome.

Tom đã có những cuộc đối thoại tưởng tượng với Marge, Fausto và Freddie trong phòng khách sạn của mình. Marge là người có khả năng đến Rome nhất, anh nghĩ. Anh sẽ nói chuyện với cô ta với tư cách là Dickie nếu đó là một cuộc trò chuyện qua điện thoại và với tư cách là Tom nếu phải gặp mặt trực tiếp. Ví dụ, cô ta có thể xuất hiện bất ngờ ở Rome, tìm ra khách sạn và đòi lên phòng của anh, trong trường hợp đó anh sẽ phải tháo nhẫn của Dickie và thay quần áo của mình vào.

“Tôi không biết,” anh sẽ nói với cô ta bằng giọng của Tom. “Cô biết anh ấy thế nào rồi đấy - thích cảm thấy mình tự do, được thoát khỏi mọi thứ. Anh ấy nói tôi có thể dùng phòng khách sạn của anh ấy vài ngày, bởi vì hệ thống sưởi phòng tôi vô tình quá tệ… À, anh ấy sẽ quay lại sau vài ngày, hoặc sẽ có một tấm bưu thiệp nói anh ấy vẫn ổn. Anh ấy đi cùng Di Massimo tới một thị trấn nhỏ nào đó để xem vài bức tranh trong một nhà thờ.”

(“Anh không biết anh ấy đã đi về hướng Bắc hay hướng Nam à?”)

“Tôi thật sự không biết. Tôi đoán là hướng Nam. Nhưng biết điều đó thì có ích gì cho chúng ta đâu?”

(“Chỉ do tôi xui quá nên mới không gặp anh ấy đúng không? Vì sao anh ấy không nói mình đi đâu chứ?”)

“Tôi biết. Tôi cũng đã hỏi anh ấy. Đã tìm khắp phòng xem có bản đồ hay bất kỳ thứ gì khác có thể cho biết anh ấy định đi đâu hay không. Anh ấy chỉ vừa gọi cho tôi ba ngày trước và bảo tôi có thể dùng phòng của anh ấy nếu muốn.”

Tập vào vai chính bản thân mình một lần nữa là một ý hay, bởi vì có thể sẽ đến một lúc anh cần làm vậy trong vài giây và chẳng hiểu sao thật dễ quên đi âm sắc chính xác của Tom Ripley. Anh nói chuyện với Marge cho tới khi giọng của anh vang lên bên tai nghe giống hệt như trí nhớ của anh.

Nhưng phần lớn thời gian anh là Dickie, đàm thoại bằng giọng trầm với Freddie và Marge, đàm thoại từ xa với mẹ của Dickie, với Fausto, với một người lạ mặt ở một bữa tiệc tối. Anh trò chuyện bằng tiếng Anh và tiếng Ý. Cái đài radio nhỏ của Dickie được bật lên để nếu có nhân viên khách sạn nào đó đi ngang qua hành lang và tình cờ biết ngài Greenleaf ở một mình thì cũng không nghĩ là anh bị điên. Thỉnh thoảng, nếu bài hát phát trên radio là bài Tom thích thì anh sẽ khiêu vũ một mình, nhưng nhảy giống như cách Dickie sẽ khiêu vũ với một cô gái. Anh từng một lần thấy anh ta nhảy với Marge trên hiên quán Giorgio và một lần ở Giardino degli Orangi ở Naples - nhảy những bước dài nhưng khá cứng, khó có thể gọi là nhảy giỏi. Mỗi khoảnh khắc đối với Tom đều sung sướng vô ngần, dù ở một mình trong phòng hay đi bộ trên những con phố của Rome, khi anh kết hợp ngắm cảnh với việc tìm một căn hộ. Anh nghĩ không đời nào có chuyện cảm thấy cô đơn hay buồn chán chừng nào anh còn là Dickie Greenleaf.

Họ chào đón anh với cái tên Greenleaf ở American Express, nơi anh lấy thư. Bức thư đầu tiên của Marge viết:

Dickie,

Thì đúng là có hơi ngạc nhiên một chút. Em tự hỏi điều gì đột nhiên choán lấy tâm trí anh ở Rome hay ở San Remo hay bất kể nơi đó là đâu đi nữa? Tom hết sức mờ ám, chỉ nói rằng anh ta sẽ ở cùng anh. Còn việc anh ta nói sẽ về Mỹ, chừng nào được tận mắt chứng kiến em mới tin. Dù đây không phải việc của em, bạn ạ, nhưng em có thể nói là mình không thích gã đó không? Theo quan điểm của em hoặc của bất kỳ ai khác, anh ta đang lợi dụng anh vì những điều kiện của anh. Nếu anh muốn thay đổi cho tốt hơn, vì Chúa hãy đẩy anh ta ra xa. Được rồi, có thể anh ta không đồng tính. Chỉ đơn giản anh ta chẳng là cái gì cả và điều đó còn tệ hơn. Anh ta còn không đủ bình thường để có bất kỳ một đời sống tình dục nào, nếu anh hiểu ý em. Tuy nhiên, người em quan tâm không phải Tom mà là anh. Phải, em có thể chịu đựng vài tuần không có anh, anh yêu và thậm chí là qua cả Giáng sinh, dù em không thích nghĩ về dịp lễ đó nữa. Em cũng muốn không nghĩ về anh và - như anh đã nói - cứ để mọi chuyện tự nhiên. Nhưng không thể không nghĩ về anh ở đây vì mọi ngóc ngách của ngôi làng này đều bị anh ám mất rồi, đối với em là vậy và đặc biệt trong căn nhà này, mọi nơi em nhìn đều có bóng dáng của anh, hàng cây chúng ta đã trồng, hàng rào chúng ta bắt đầu sửa và chẳng bao giờ sửa xong, những quyển sách em đã mượn anh và chẳng bao giờ trả lại. Và cả ghế của anh ở bàn, đó là điều làm em nhớ nhất.

Tiếp tục với việc chĩa mũi vào chuyện của người khác, em không nói là Tom sẽ làm bất kỳ chuyện gì xấu xa với anh, nhưng em biết anh ta có chút ảnh hưởng xấu với anh. Anh có biết là khi ở cạnh anh ta, anh xử sự như thể có phần xấu hổ không? Anh đã bao giờ thử suy nghĩ về điều đó chưa? Em nghĩ anh đã bắt đầu nhận ra tất cả những chuyện này trong vài tuần vừa qua, nhưng giờ anh lại dính với anh ta và thành thật mà nói, bạn thân mến, em không biết nên nghĩ sao nữa. Nếu anh thật sự “không quan tâm khi nào” anh ta bay về, vì Chúa hãy đuổi anh ta đi luôn đi! Anh ta sẽ chẳng bao giờ giúp anh hay bất kỳ ai khác hiểu rõ được một chuyện gì hết. Thật ra thì anh ta chỉ quan tâm đến việc làm anh rối trí và bấu víu vào anh và bố anh thôi.

Cảm ơn nhiều vì lọ nước hoa, anh yêu. Em sẽ để dành nó - phần lớn - đợi lần tới em gặp anh. Em chưa mang tủ lạnh sang nhà em đâu. Anh có thể lấy nó về bất kỳ lúc nào anh muốn.

Có thể Tom đã kể lại cho anh chuyện Skippy trốn đi. Em có nên bắt một con tắc kè và buộc dây quanh cổ nó không? Em phải xử lý bức tường nhà ngay lập tức trước khi nó mốc lên hết và đổ sập xuống người em. Ước gì anh ở đây, anh yêu - tất nhiên rồi.

Vô vàn yêu thương và nhớ viết thư đấy,

XX

Marge

Gửi tới American Express

Rome

12 tháng 12, năm 19-

Mẹ và bố thân yêu,

Con đang ở Rome, tìm một căn hộ để ở, dù con chưa tìm được căn nào ưng ý hết. Các căn hộ ở đây hoặc quá to hoặc quá nhỏ và nếu nó quá to thì mùa đông con sẽ phải đóng hết tất cả các phòng lại, chỉ trừ một phòng duy nhất để nó làm ấm hiệu quả. Con đang cố gắng tìm một chỗ cỡ vừa, giá tiền tầm tầm mà con có thể sưởi ấm hoàn toàn mà không tốn cả một gia tài cho nó.

Xin lỗi vì dạo này con ít viết thư quá. Con hy vọng mình sẽ viết nhiều hơn với cuộc sống êm đềm con đang tận hưởng nơi đây. Con cảm thấy mình cần một sự thay đổi so với Mongibello - như hai người vẫn nói lâu nay - nên con đã chuyển đống hành lý lỉnh kỉnh và thậm chí có thể còn bán cả nhà và thuyền nữa. Con đã gặp một họa sĩ tuyệt vời có tên Di Massimo, người sẵn lòng hướng dẫn cho con trong phòng vẽ của ông ta. Con sẽ làm việc hết mình trong vài tháng xem kết quả thế nào. Đây gần như là một thời kỳ thử nghiệm. Bố, con nhận ra rằng điều này không hấp dẫn bố , nhưng vì bố vẫn luôn hỏi con dùng thời gian làm gì, thì đấy. Con sẽ sống cuộc sống yên bình, chăm chỉ cho tới hè năm sau.

Nhân đây, bố có thể gửi cho con các hồ sơ mới nhất từ Burke-Greenleaf không? Con muốn cập nhật những gì bố đang làm và lâu lắm rồi con không nhận được gì.

Mẹ, con hy vọng mẹ đã không phải bận tâm nhiều về Giáng sinh của con. Con thật sự không nghĩ ra được con cần gì cả. Mẹ thế nào rồi? Mẹ có thể đi lại nhiều không? Ví dụ như đi nhà hát, hoặc đâu đó? Cậu Edward thế nào rồi? Gửi lời chúc của con tới cậu và cập nhật tình hình cho con nhé.

Yêu thương,

Dickie

Tom đọc lại nó, quyết định rằng có thể có quá nhiều dấu phẩy nên kiên nhẫn gõ lại và ký tên. Anh đã từng đọc một bức thư dang dở Dickie gửi cho bố mẹ ở máy đánh chữ của anh ta và anh hiểu phong cách chung của Dickie. Anh biết rằng anh ta chưa từng dành hơn mười phút để viết bất kỳ bức thư nào. Nếu bức thư này có gì khác biệt, Tom nghĩ, thì chỉ có thể là ở chỗ nó có phần riêng tư và nhiệt tình hơn thường lệ. Anh cảm thấy tương đối hài lòng với bức thư khi đọc lại nó lần thứ hai. Cậu Edward là một người em của bà Greenleaf, ông ta bị ung thư gì đó và phải nằm trong một bệnh viện ở Illinois, Tom biết điều này qua bức thư gần đây nhất mẹ Dickie gửi cho anh ta.

Vài ngày sau anh bay tới Paris. Anh đã gọi điện cho khách sạn Inghilterra trước khi rời Rome: không thư từ hay điện thoại cho Richard Greenleaf. Anh hạ cánh xuống Orly lúc năm giờ chiều. Cán bộ cửa khẩu đóng dấu vào hộ chiếu của anh sau khi chỉ mới liếc vội nhìn anh, dù Tom đã làm tóc sáng lên đôi chút với thuốc nhuộm và tạo sóng cho nó nhờ dầu tóc. Vì người kiểm tra hộ chiếu, anh thậm chí còn trưng ra vẻ mặt khá căng thẳng, cau có đúng như hình ảnh trong hộ chiếu của Dickie. Tom ở tại khách sạn Hotel du Quai-Voltaire, nó được vài người Mỹ mà anh làm quen trong một quán cà phê ở Rome giới thiệu. Họ bảo nó nằm ở vị trí thuận tiện và không có quá nhiều người Mỹ. Rồi anh tản bộ trong một buổi tối tháng Mười hai mù sương, lạnh lẽo. Anh ngẩng cao đầu và mặt luôn nở nụ cười. Đó là bầu không khí của thành phố mà anh yêu thích, bầu không khí mà anh luôn nghe nói đến, những con đường quanh co, những tòa nhà tường xám với cửa sổ áp mái, tiếng còi xe inh ỏi và đâu đâu cũng có các chỗ đi tiểu và cột dán đầy áp phích nhà hát màu sắc rực rỡ. Anh muốn để bầu không khí ấy từ từ thấm vào người, có thể là qua vài ngày, trước khi anh ghé thăm bảo tàng Louvre, hoặc lên tháp Eiffel, hoặc làm những việc tương tự như vậy. Anh mua một tờ Pigaro, ngồi xuống một cái bàn ở Dôme, gọi một cốc fine à l’eau, vì Dickie từng nói rằng đây là loại đồ uống quen thuộc của anh ta ở Pháp. Tiếng Pháp của Tom không tốt lắm, nhưng Dickie cũng chẳng khá gì hơn. Có vài người quan sát anh một cách thú vị sau cửa kính của quán cà phê, nhưng không một ai tiến tới bắt chuyện. Tom đã chuẩn bị sẵn sàng chờ ai đó nhỏm dậy từ một cái bàn vào bất kỳ lúc nào, lại gần và nói, “Dickie Greenleaf! Có thật là anh đấy không?”

Anh không làm gì quá giả tạo để thay đổi diện mạo của mình, nhưng điệu bộ của anh, Tom nghĩ, giờ giống hệt Dickie. Anh đeo nụ cười chào đón đầy nguy hiểm với người lạ, mà anh cho là nên dành nó cho bạn cũ hay người tình. Đó là nụ cười đẹp và đặc trưng nhất của Dickie khi anh ta đang vui. Tom cũng đang vui. Đây là Paris. Thật tuyệt vời khi được ngồi trong một quán cà phê nổi tiếng, nghĩ đến những ngày sau đó đều là Dickie Greenleaf! Khuy măng-sét, áo lụa trắng, thậm chí đến cả những món đồ cũ - cái thắt lưng nâu cũ mèm với mặt đồng; đôi giầy da màu nâu sậm, loại được quảng cáo trong cuốn Punch là bền đến trọn đời; cái áo len màu mù tạt với hai cái túi trĩu xuống, tất cả chúng là của anh và anh yêu tất cả. Cả cây bút máy đen có những chữ cái in hoa nữa. Cả ví, chiếc ví Gucci bằng da cá sấu cũ mèm và cả đống tiền nhét bên trong đó.

Đến chiều hôm sau, anh đã được mấy người mời đến một bữa tiệc ở Đại lộ Kléber - một cô nàng người Pháp và một chàng trai người Mỹ - anh đã tán gẫu cùng họ trong một nhà hàng cà phê lớn trên đường Saint-Germain. Bữa tiệc có ba mươi đến bốn mươi người, phần lớn là trung niên, đứng đờ ra trong một căn hộ rõ rộng, lạnh lẽo, khá nghiêm túc. Tom nhận ra ở châu Âu, việc sưởi không quá ấm trong mùa đông là dấu hiệu của sự thanh lịch, như những ly martini không đá vào mùa hè. Như lần anh chuyển tới một khách sạn đắt tiền ở Rome với hy vọng được ấm áp hơn và rồi phát hiện ra khách sạn đắt tiền hơn thậm chí còn lạnh hơn. Tom cho rằng căn nhà này cũng thanh lịch đấy, theo một phong cách cổ điển u ám. Có một quản gia và một cô hầu, một bàn rộng đầy bánh nướng, gà tây thái lát, những miếng bánh gato nhỏ xinh, một cơ số rượu sâm-panh, dù vậy, vỏ bọc ghế sô-pha và những tấm rèm dài ở cửa sổ đã mòn chỉ và xơ xác theo thời gian và anh cũng nhìn thấy vài hang chuột trong hành lang cạnh thang máy. Ít nhất nửa tá vị khách mà anh được giới thiệu cho là bá tước và bá tước phu nhân. Một người Mỹ kể cho Tom biết rằng hai người đã mời anh tới đây chuẩn bị kết hôn với nhau, nhưng cha mẹ cô gái không mấy hài lòng. Không khí trong căn phòng lớn có chút căng thẳng và Tom cố gắng dễ thương hết mức có thể đối với tất cả mọi người, kể cả những người Pháp nghiêm nghị mà anh chẳng thể nói với họ nhiều hơn câu “Nó rất đẹp phải không?” Anh đã cố hết sức và ít nhất cũng giành được một nụ cười từ cô nàng người Pháp đã mời anh dự tiệc. Anh thấy mình may mắn vì được ở đó. Có bao nhiêu người Mỹ đơn độc ở Paris có thể được mời tới một ngôi nhà Pháp chỉ sau khoảng một tuần ở thành phố này? Người Pháp đặc biệt cẩn trọng trong việc mời người lạ về nhà, Tom vẫn luôn nghe nói là vậy. Có vẻ không người Mỹ nào ở đây biết tên anh. Tom cảm thấy hết sức thoải mái, trước đây anh chưa từng trải qua cảm giác như vậy ở bất kỳ một bữa tiệc nào mà anh nhớ. Anh hành xử như cách anh vẫn luôn muốn hành xử ở các bữa tiệc. Đây chính là sự khởi đầu mới mà anh đã nghĩ tới khi ở trên con tàu rời nước Mỹ. Đây chính là sự thủ tiêu quá khứ và con người cũ của anh, Tom Ripley, người được tạo nên từ quá khứ ấy, để tái sinh thành một con người hoàn toàn mới. Một phụ nữ Pháp và hai người Mỹ mời anh dự tiệc, nhưng Tom từ chối với cùng một lý do: “Vô cùng cảm ơn, nhưng ngày mai tôi sẽ rời Paris.”

Tom nghĩ kết thân với bất kỳ ai trong số họ đều không được lợi lộc gì. Một người trong đó có thể quen ai đó biết rõ Dickie, ai đó có thể có mặt ở bữa tiệc kế tiếp.

Lúc mười một giờ mười lăm, khi anh tạm biệt nữ chủ nhân của bữa tiệc cùng phụ huynh của cô ta, trông họ có vẻ vô cùng tiếc nuối tiễn anh đi. Nhưng anh muốn đến nhà thờ Đức Bà trước nửa đêm. Đêm nay là đêm Giáng sinh.

Mẹ của cô gái hỏi lại tên anh.

“Quý ông Granelafe,” cô ta nhắc lại cho mẹ. “Deekie Granelafe. Đúng không?”

“Đúng rồi,” Tom đáp, mỉm cười.

Vừa xuống tới hành lang dưới tầng, anh chợt nhớ ra bữa tiệc của Freddie Miles ở Cortina. Ngày 2 tháng 12. Gần một tháng trước! Anh đã định viết thư cho Freddie để báo anh sẽ không đến. Anh tự hỏi Marge có đi không? Anh ta sẽ thấy lạ lắm khi anh không viết thư báo việc mình không tới và Tom hy vọng chí ít thì Marge đã kể cho Freddie. Anh phải viết thư cho anh ta ngay. Có địa chỉ của Freddie ở Florence trong sổ địa chỉ của Dickie. Một sơ suất, nhưng không có gì nghiêm trọng, Tom nghĩ. Anh chỉ không được phép để một chuyện như vậy tái diễn.

Anh bước vào bóng đêm và rẽ về hướng Khải Hoàn Môn trắng lóa dưới ánh đèn. Thật lạ lùng khi lúc này anh cảm thấy vô cùng lẻ loi, nhưng đó cũng là một phần quan trọng không thể thiếu, như lúc anh ở bữa tiệc. Anh lại cảm thấy thế khi đứng bên rìa đám đông chật kín quảng trường trước nhà thờ Đức Bà. Quá nhiều người nên chắc anh không thể vào được bên trong nhà thờ, nhưng bộ loa khuếch đại đưa tiếng nhạc tới mọi ngóc ngách của quảng trường một cách rõ ràng. Những bài hát mừng Giáng sinh bằng tiếng Pháp mà anh không biết tên. “Đêm im lặng.” Một bài hát mừng trang nghiêm, rồi đến một bài hát tươi vui, sinh động. Những giọng hát nam trầm bổng. Những người đàn ông Pháp ở gần anh bỏ mũ ra. Tom cũng làm theo. Anh đứng thẳng, cao, mặt nghiêm nghị, vậy nhưng sẵn sàng nở nụ cười nếu có người chào anh. Anh có chung cảm giác như lúc ở trên tàu, chỉ là lần này mãnh liệt hơn, đầy thiện ý, một quý ông, không có gì trong quá khứ làm anh phải bận lòng. Anh là Dickie, Dickie tốt bụng, ngây thơ, cười với tất cả mọi người và có một nghìn franc cho bất kỳ ai xin xỏ. Một ông già đã hỏi xin tiền anh khi Tom rời khỏi quảng trường nhà thờ và anh cho ông ta một tờ một nghìn franc màu xanh mới coong. Nụ cười nở rộng trên mặt và ông ta ngả mũ chào anh.

Tom thấy hơi đói, dù anh khá thích ý tưởng đi ngủ với cái bụng cồn cào tối nay. Anh nghĩ mình sẽ dành khoảng một tiếng đồng hồ cho quyển sách giao tiếp tiếng Ý rồi mới đi ngủ. Anh chợt nhớ ra mình đã dự định sẽ cố gắng tăng khoảng hai ký vì quần áo của Dickie hơi rộng với anh và mặt Dickie trông to hơn anh, nên anh dừng chân ở một quán bar được bán thuốc lá và gọi một cái bánh mỳ dài giòn kẹp thịt nguội và một cốc sữa nóng, vì người đàn ông ngồi cạnh anh ở quầy đang uống sữa nóng. Sữa gần như vô vị, nguyên chất và đầy ải, như Tom hình dung một cái bánh thánh trong nhà thờ.

Anh thư thả rời khỏi Paris, ngủ qua đêm ở Lyon và cả ở Arles để ngắm những nơi mà Van Gogh đã vẽ tranh. Anh vẫn giữ vẻ bình thản, vui tươi khi phải đối diện với cảnh thời tiết tồi tệ. Ở Arles, cơn bão hung dữ gây ra mưa như trút làm anh ướt sũng khi anh đang cố tìm đến vị trí chính xác mà Van Gogh đã đứng vẽ. Anh đã mua một quyển sách đẹp đẽ có tranh sao chép của Van Gogh ở Paris, nhưng vì không thể lôi quyển sách ra dưới trời mưa nên anh phải quay lại khách sạn cả tá lần để xác nhận khung cảnh đó. Anh ghé thăm Marseille, trừ Canebière vì thấy nó thật buồn tẻ và đi tàu về phía Đông, dừng chân một ngày ở St. Tropez, Cannes, Nice, Monte Carlo. Tất cả những địa điểm này anh đều đã nghe tên và cảm thấy mê đắm khi nhìn thấy chúng, dù là trong điều kiện thời tiết tháng Mười hai mây mù xám xịt phủ kín và không có những đám đông ăn vận lòe loẹt, dù là trong đêm giao thừa ở Menton. Tom tự vẽ thêm người vào những khung cảnh đó bằng trí tưởng tượng của mình, những người đàn ông và phụ nữ xúng xính trong những bộ đầm tối thanh lịch bước xuống những bậc thang rộng của cung điện bài bạc ở Monte Carlo, những người mặc những bộ đồ tắm rực rỡ, nhẹ nhàng và chói lọi như màu nước Dufy, dạo bước dưới những cây cọ của Đại lộ des Anglais ở Nice. Người đổ về từ khắp mọi nơi - Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Thụy Điển, Ý. Lãng mạn, thất vọng, cãi cọ, giảng hòa, ám sát. Côte d’azur làm anh thích thú hơn bất kỳ chỗ nào khác mà anh từng tới trên thế giới này. Cung đường biển Địa Trung Hải này thật sự nhỏ xíu, nhưng nó có những cái tên tuyệt diệu ngân nga như tiếng hột cườm - Toulon, Fréjus, St. Rafael, Cannes, Nice, Menton và rồi San Remo.

Khi về Rome ngày mùng 4 tháng 1, anh nhận được hai bức thư từ Marge. Cô ta nói sẽ ngừng thuê nhà vào ngày mùng 1 tháng 3. Cô ta chưa viết xong bản thảo đầu tiên, nhưng vẫn sẽ gửi ba phần tư cuốn sách cùng hình ảnh tới một nhà xuất bản ở Mỹ đã có hứng thú với ý tưởng của cô ta khi cô ta viết về nó mùa hè năm ngoái. Cô ta viết:

Khi nào thì em mới gặp lại anh? Em ghét phải trải qua một mùa hè ở châu Âu sau khi đã chịu đựng một mùa đông khủng khiếp, nhưng em nghĩ mình sẽ về nhà sớm vào tháng Ba. Em nhớ nhà lắm, cuối cùng thì cảm giác đó cũng thật sự đến. Anh thân yêu, nếu chúng ta có thể về nhà trên cùng một chuyến tàu thì sẽ thật tuyệt.

Liệu có khả năng đó không? Em không nghĩ vậy. Mùa đông này anh sẽ không quay lại Mỹ dù chỉ trong một khoảng thời gian ngắn sao?

Em đang cân nhắc việc sẽ gửi tất cả đồ đạc của em (tám kiện hành lý, hai cái hòm, ba thùng sách và đồ linh tinh!) bằng thuyền chở hàng từ Naples và ghé qua Rome. Nếu anh có hứng thú, ít nhất chúng ta có thể ra lại bờ biển và ngắm Forte dei Marmi, Viareggio và những địa điểm khác mà chúng ta thích - một lần cuối. Em không có tâm trạng để quan tâm đến thời tiết, dù em biết nó sẽ kinh khủng lắm. Em sẽ không bắt anh đưa em tới Marseille, nơi em sẽ đón thuyền, nhưng từ Genoa thì sao? Anh nghĩ sao?…

Bức thư còn lại dè dặt hơn. Tom biết vì sao: suốt gần một tháng anh thậm chí còn chẳng gửi cho cô ta một tấm bưu thiếp. Cô ta viết:

Đã đổi ý về Riviera. Có thể cái thời tiết chết tiệt này đã lấy mất sự quyết tâm của em, mà cũng có thể là do cuốn sách của em. Dẫu sao đi nữa, em sẽ rời đi từ Naples trên chuyến tàu sớm nhất - tàu Constitution vào ngày 28 tháng 2. Tưởng tượng xem - quay lại Mỹ ngay khi em đặt chân lên tàu. Đồ ăn Mỹ, người Mỹ, dùng đô la mua đồ uống và các cuộc đua ngựa - Anh yêu, em rất tiếc vì không được gặp lại anh, như em hiểu từ sự im lặng của anh thì anh vẫn không muốn gặp em, vậy nên không cần nghĩ tới chuyện đó nữa. Hãy coi như em không còn thuộc trách nhiệm của anh nữa.

Tất nhiên em vẫn hy vọng được gặp lại anh, ở Mỹ hoặc một nơi khác. Nếu anh thấy có hứng đi một chuyến xuống Mongy trước ngày 28 thì anh biết thừa là mình được chào đón rồi đấy.

Vẫn vậy,

Marge

Tái bút: Em thậm chí còn không biết liệu anh có còn ở Rome không.

Tom có thể nhìn thấy những giọt nước mắt của cô ta lúc viết thư. Anh thấy thôi thúc muốn viết cho cô ta một bức thư dịu dàng, kể rằng anh vừa từ Hy Lạp về, hỏi cô ta đã nhận được hai tấm bưu thiếp của anh chưa? Nhưng sẽ an toàn hơn khi để cô ta ra đi mà không rõ anh ở đâu, Tom nghĩ. Anh không viết gì cho cô ta cả.

Điều duy nhất khiến anh bồn chồn, dù cũng không phải quá bồn chồn, là khả năng Marge sẽ tới gặp anh ở Rome trước khi anh kịp ổn định trong một căn hộ nào đó. Nếu cô ta lùng sục các khách sạn thì cô ta có thể tìm được anh, nhưng cô ta sẽ chẳng bao giờ có thể tìm được anh trong một căn hộ. Những người Mỹ giàu có không phải báo cáo nơi thường trú ở sở cảnh sát, dù theo luật tạm trú thì một người phải khai báo mọi thay đổi về địa chỉ với cảnh sát. Tom đã nói chuyện với một người Mỹ có căn hộ riêng ở Rome, anh ta nói rằng chưa bao giờ để tâm đến sở cảnh sát và họ cũng chẳng bao giờ làm phiền anh ta. Nếu Marge đột ngột tới Rome thật thì Tom cũng có cả đống đồ của mình treo sẵn trong tủ. Điều duy nhất anh thay đổi về mặt ngoại hình là mái tóc, nhưng việc đó luôn có thể giải thích là do tác động của ánh nắng. Anh không lo mấy. Mới đầu Tom còn tự giải trí bằng chì kẻ mày - lông mày của Dickie dài hơn và hơi cong lên ở mép ngoài - và một ít bột phấn ở đầu mũi để khiến nó dài và nhọn hơn, nhưng anh gạt đi vì chúng quá dễ gây chú ý. Điều cốt lõi khi mạo danh là giữ được thần thái và khí chất của người được mô phỏng, cũng như thể hiện đúng những biểu cảm trên mặt của người đó, Tom nghĩ. Những cái khác sẽ tự đâu vào đó.

Vào ngày mùng 10 tháng 1, Tom viết thư báo cho Marge biết là anh đã quay lại Rome sau ba tuần ở Paris một mình, Tom đã rời khỏi Rome cách đây một tháng, anh ta nói rằng sẽ tới Paris và từ đó đi về Mỹ, dù anh không hề chạm mặt Tom ở Paris. Anh cũng chưa tìm được căn hộ nào ở Rome nhưng anh đang tiếp tục tìm và sẽ báo cho cô biết địa chỉ ngay khi có thể. Anh cảm ơn cô ta một cách thái quá vì món quà Giáng sinh: cô ta đã gửi áo len trắng với cổ áo chữ V viền đỏ mà cô ta đã đan và thử kích cỡ trên người Dickie từ tháng Mười, cùng một quyển sách nghệ thuật về trường phái vẽ ở Ý thế kỷ mười lăm, một bộ đánh bóng đồ da với chữ cái viết tắt tên anh, H.R.G, trên nắp. Gói đồ mới tới ngày mùng 6 tháng 1, cũng là lý do chính để Tom viết thư: anh không muốn cô ta nghĩ rằng anh chưa nhận được nó, rồi tưởng tượng anh đã biến mất vào không khí rồi bắt đầu lùng sục anh. Anh hỏi cô ta đã nhận được món quà từ anh chưa? Anh đã gửi nó từ Paris và anh đoán nó sẽ tới muộn. Anh xin lỗi. Anh viết:

Anh lại tiếp tục vẽ với Di Massimo và tương đối hài lòng. Anh cũng nhớ em, nhưng nếu em vẫn có thể chịu đựng được màn thử nghiệm của anh thì anh mong không gặp em thêm vài tuần nữa (trừ phi em đột ngột về nhà vào tháng Hai, một điều anh vẫn còn hoài nghi!) đến lúc ấy em có khi còn không quan tâm đến việc gặp anh. Gửi lời chào tới Giorgio và vợ anh ta, cùng Fausto nếu anh ta còn ở đó, cũng như Pietro ở cảng…

Đó là một bức thư theo phong cách vô tâm và có phần sầu thảm hệt như mọi bức thư của Dickie, một bức thư không thể được gọi là ấm áp hay không và chẳng có gì quan trọng thiết yếu hết.

Thật ra thì anh đã tìm được một căn hộ trong một khu chung cư ở Via Imperiale, gần cổng Pincian và đã ký hợp đồng thuê một năm, dù anh không có ý định dành phần lớn thời gian của mình ở Rome, mùa đông lại càng không. Anh chỉ muốn có một ngôi nhà, một chỗ dừng chân đâu đó sau nhiều năm không có nơi nào. Và Rome còn sành điệu nữa. Rome là một phần cuộc đời mới của anh. Anh muốn có thể nói ở Majorca, Athens, Cairo, hay bất kỳ đâu anh tới là: “Phải, tôi sống ở Rome. Tôi giữ một căn hộ ở đó.” “Giữ” là từ dành cho các căn hộ giữa đám người ngoại quốc. Bạn giữ một căn hộ ở châu Âu như cái cách bạn giữ một gara ở Mỹ. Anh cũng muốn căn hộ của mình phải thanh lịch, dù chỉ định cho một ít người lên thăm và anh ghét ý tưởng lắp điện thoại, dù là số không có trong danh bạ, nhưng anh quyết định nó là biện pháp bảo đảm an toàn chứ không phải là một mối đe dọa, nên vẫn lắp một cái. Căn hộ có một phòng khách lớn, một phòng ngủ, một phòng chờ, bếp và nhà tắm. Nó mới được trang hoàng một phần, nhưng hợp với khu dân cư đáng kính và cuộc sống đáng kính mà anh định sống. Tiền thuê nhà một tháng tầm một trăm bảy mươi lăm đô vào mùa đông bao gồm cả khí sưởi và một trăm hai mươi lăm đô vào mùa hè.

Marge hồi âm với một bức thư ngây ngất nói rằng cô ta vừa bất ngờ nhận được chiếc áo lụa tuyệt đẹp từ Paris và nó vừa khít. Cô ta còn nói đã mời Fausto và nhà Cecchi tới ăn tối Giáng sinh ở nhà cô ta, gà tây ngon tuyệt cú mèo, cùng hạt dẻ, nước luộc gà, bánh pudding mận và đủ mọi thứ khác, chỉ thiếu mỗi anh. Anh đang làm gì, đang nghĩ gì? Anh có hạnh phúc hơn không? Fausto sẽ tới tìm anh trên đường tới Milan nếu anh gửi địa chỉ trong vài ngày tới, không thì cứ để lại tin nhắn cho anh ta ở American Express, thông báo nơi có thể gặp được anh.

Tom đoán thái độ vui vẻ của cô ta chủ yếu là do cô nghĩ giờ Tom đã từ Paris về Mỹ. Cùng bức thư của Marge còn có một bức thư của ông Pucci, kể rằng ông ta đã bán được ba món đồ của anh với giá một trăm năm mươi nghìn lia ở Napes. Ông ta cũng thông báo rằng có một người mua tàu tiềm năng, một ông Anastasio Martino ở Mongibello, người đã hứa trả khoản tiền đặt cọc đầu tiên trong vòng một tuần, nhưng căn nhà thì có thể sẽ không bán được cho tới mùa hè, khi người Mỹ lại bắt đầu tới đây. Trừ mười lăm phần trăm hoa hồng của ông Pucci, số tiền bán đồ đạc lên tới hai trăm mười đô. Tom ăn mừng buổi tối hôm đó bằng việc tới một hộp đêm La Mã và gọi một bữa tối thượng hạng mà anh thưởng thức trong yên bình một mình ở một cái bàn thắp nến dành cho hai người.

Anh hoàn toàn không ngại việc ăn uống và đi tới rạp hát một mình. Nó cho anh cơ hội tập trung làm Dickie Greenleaf. Anh bẻ miếng bánh mỳ như Dickie làm, đưa thức ăn lên miệng bằng tay trái như Dickie làm, nhìn xa xăm sang các bàn khác và những người khiêu vũ với vẻ xuất thần, sâu sắc và rộng lượng đến mức người bồi bàn phải gọi đôi lần mới nhận được sự chú ý của anh. Vài người vẫy tay chào anh từ một cái bàn và Tom nhận ra họ là cặp đôi người Mỹ mà anh đã gặp ở bữa tiệc trong đêm Giáng sinh ở Paris. Anh ra dấu chào đáp lễ. Anh thậm chí còn nhớ tên của họ, Souder. Anh không nhìn họ lần nào nữa trong suốt buổi tối, nhưng họ rời đi trước anh và dừng lại ở bàn anh để chào hỏi.

“Một mình à?” Người đàn ông hỏi. Anh ta trông có vẻ ngà ngà say.

“Phải. Tôi có cái hẹn định kỳ hàng năm với bản thân ở đây,” Tom đáp. “Tôi ăn mừng một ngày kỷ niệm đặc biệt.”

Gã người Mỹ gật đầu có phần lơ đễnh và Tom nhận ra rằng anh ta đang lúng túng tìm một câu thông minh để đáp lại. Trông anh ta bồn chồn như bất kỳ một người Mỹ tỉnh lẻ nào khi ở cùng một người thành thị điềm đạm và đĩnh đạc, giàu có và ăn mặc hào nhoáng, dù đó cũng chỉ là một người Mỹ khác.

“Anh đã nói là anh sống ở Rome phải không?” Vợ anh ta hỏi.

“Anh biết không, tôi nghĩ chúng tôi đã quên tên anh, nhưng chúng tôi nhớ anh rất rõ từ hôm Giáng sinh.”

“Greenleaf,” Tom đáp. “Richard Greenleaf.”

“À, phải rồi!” Cô ta nói, nhẹ nhõm. “Anh có căn hộ ở đây à?”

Cô ta đã sẵn sàng ghi nhớ địa chỉ của anh trong đầu.

“Tôi đang ở trong khách sạn, nhưng tôi có kế hoạch chuyển vào một căn hộ sớm, ngay khi việc hoàn thiện nội thất hoàn tất. Tôi ở Elisio. Sao hai người không gọi điện cho tôi nhỉ?”

“Được đấy. Ba ngày nữa chúng tôi sẽ tới Majorca, nhưng còn khối thời gian!”

“Rất vui được gặp hai người,” Tom nói. “Chúc buổi tối vui vẻ!”

Lại đơn độc, Tom quay lại với trạng thái mơ màng riêng tư của mình. Anh nghĩ mình phải mở một tài khoản ngân hàng cho Tom Ripley và đều đặn chuyển khoảng một trăm đô vào đó. Dickie Greenleaf có hai ngân hàng, một ở Naples và một ở New York, với khoảng năm nghìn đô trong mỗi tài khoản. Anh có thể mở tài khoản Ripley với vài nghìn và gửi số tiền một trăm năm mươi nghìn lia từ việc bán đồ đạc ở Mongibello vào đó. Sau cùng thì, anh phải chăm sóc cho tận hai người.

# CHƯƠNG 15

A

nh tới thăm Capitoline và Villa Borghese, khám phá mọi ngóc ngách của quảng trường và học sáu tiết tiếng Ý từ một ông già sống cùng khu, ông ta đã treo biển gia sư trước cửa sổ và Tom đã báo tên giả cho ông ta. Sau bài học thứ sáu, anh nghĩ rằng trình độ tiếng Ý của mình đã ngang bằng Dickie. Anh nhớ nguyên văn vài câu Dickie có lần nói mà giờ anh biết rõ là sai. Ví dụ, “Ho paura che non c’è arrivata, Giorgio,” một tối nọ ở Giorgio, khi họ đợi Marge và cô ta đến muộn. Đáng ra phải là “sia arrivata” ở thể giả định sau khi biểu lộ nỗi sợ. Dickie chưa từng dùng thể giả định nhiều như đáng nhẽ nên dùng trong tiếng Ý. Tom cũng cố tình không học cách dùng đúng thể giả định.

Anh mua vải nhung đỏ sẫm làm rèm phòng khách, vì tấm rèm đi kèm trong nhà khiến anh khó chịu. Khi anh hỏi bà Buffi, vợ của người quản lý tòa nhà, liệu bà ta có biết cô thợ may nào có thể may chúng không thì bà ta đã tự tiến cử mình. Giá của bà ta là hai nghìn lia, hơn ba đô. Tom ép bà ta nhận năm nghìn. Anh mua thêm vài món đồ nhỏ để trang hoàng cho căn hộ của mình, dù anh chưa từng mời ai lên - chỉ trừ một chàng trai hấp dẫn nhưng không thông minh cho lắm, một người Mỹ mà anh đã gặp ở quán cà phê Greco khi anh ta hỏi anh đường từ đó tới khách sạn Excelsior. Khách sạn Excelsior nằm trên đường về nhà Tom, nên anh đã mời anh ta lên uống nước. Tom chỉ muốn gây ấn tượng với anh ta một tiếng đồng hồ rồi tạm biệt anh ta mãi mãi, một việc mà anh đã thực hiện, sau khi mời anh ta loại brandy ngon nhất của mình và dẫn đi thăm thú cả căn hộ trong lúc anh diễn thuyết về khoái lạc trong cuộc sống ở Rome. Anh ta sẽ tới Munich ngày hôm sau.

Tom cẩn trọng tránh né mọi cư dân Mỹ ở Rome, những người có thể mong anh tới dự tiệc của họ và mời họ về nhà anh để đáp lễ, dù anh rất thích tán gẫu với cả người Mỹ lẫn người Ý ở quán cà phê Greco và trong nhà hàng sinh viên ở Via Margutta. Anh chỉ báo tên mình cho một họa sĩ người Ý tên là Carlino, người anh đã gặp trong quán trọ ở Via Margutta và kể với anh ta rằng anh cũng vẽ và đang học từ một họa sĩ có tên là Di Massimo. Nếu cảnh sát có điều tra các hoạt động của Dickie ở Rome, có thể là rất lâu sau khi anh ta đã biến mất và anh trở lại làm Tom Ripley, có thể trông chờ người họa sĩ Ý này thuật lại rằng ông ta biết Dickie Greenleaf đã học vẽ ở Rome trong tháng Một. Carlino chưa từng nghe tới Di Massimo, nhưng Tom miêu tả người này sống động đến mức Carlino sẽ chẳng bao giờ quên được.

Anh cảm thấy chỉ có một mình, nhưng lại chẳng hề cô đơn. Nó rất giống cảm giác trong đêm Giáng sinh ở Paris, như thể tất cả mọi người đang quan sát anh, như thể anh có một nhóm khán giả bao gồm toàn bộ thế giới này, một cảm giác khiến anh phải cố gắng hết sức mình, vì chỉ gây ra một sai lầm thôi cũng là thảm họa. Nhưng anh cảm thấy tuyệt đối tự tin rằng mình sẽ không phạm sai lầm. Nó đem đến một bầu không khí thuần khiết ngọt ngào và độc nhất cho sự tồn tại của anh. Tom nghĩ đó hẳn là cảm giác của một diễn viên tài ba khi đóng một vai quan trọng trên sân khấu, với niềm tin rằng không ai có thể thể hiện vai diễn đó tốt hơn anh ta. Anh là chính mình nhưng cũng không phải là chính mình. Anh cảm thấy vô tội và tự do, bất chấp sự thật là anh kiểm soát mọi hành động của mình một cách có tính toán. Nhưng anh không còn cảm thấy mệt mỏi sau vài giờ đóng vai như hồi đầu nữa. Anh không cần thư giãn khi ở riêng. Giờ đây, kể từ khoảnh khắc anh ra khỏi giường và đánh răng, anh là Dickie, chải răng với khuỷu tay phải chĩa ra, Dickie xoay trứng trên thìa để cắn miếng cuối cùng. Dickie luôn luôn cất lại cái cà vạt đầu tiên mà anh ta lấy ra khỏi giá và chọn cái thứ hai. Anh thậm chí còn tạo ra một bức vẽ theo phong cách của Dickie.

Đến cuối tháng Một, Tom nghĩ rằng Fausto hẳn đã đến và thậm chí còn đi khỏi Rome rồi, dù những bức thư gần đây nhất của Marge không nhắc đến tên anh ta. Cô ta viết thư, qua American Express, khoảng một lần mỗi tuần. Cô ta hỏi xem anh có cần tất hay khăn choàng không, vì ngoài việc hoàn thành cuốn sách, cô ta có vô vàn thời gian để đan lát. Cô ta luôn chèn thêm vài mẩu chuyện vui về một người họ biết trong làng, chỉ để Dickie không nghĩ rằng cô ta đang dốc hết ruột gan cho anh ta, dù điều đó đã quá hiển nhiên. Cô ta dĩ nhiên cũng sẽ không quay về Mỹ trong tháng Hai mà không tuyệt vọng cố gặp mặt anh trực tiếp trước, Tom nghĩ, do đó mới có những bức thư dài dằng dặc, những đôi tất và khăn choàng tự đan mà Tom biết sắp được gửi tới, dù cho anh chẳng hề hồi âm. Các bức thư của cô ta khiến anh căm ghét. Anh còn chẳng muốn chạm vào chúng và sau khi đã đọc lướt qua nội dung, anh xé thư và vứt vào sọt rác ngay.

Cuối cùng anh viết:

Anh đã từ bỏ ý định có một căn hộ ở Rome trong khoảng thời gian này. Di Massimo sẽ tới Sicily vài tháng, anh có thể sẽ đi cùng ông ấy và từ đấy đi tiếp tới một chỗ nào đó. Kế hoạch của anh còn mơ hồ, nhưng chúng có ưu điểm là tự do và hợp với tâm trạng hiện thời của anh.

Đừng gửi thêm tất cho anh nữa, Marge. Anh thật sự không cần thứ gì hết. Chúc em nhiều may mắn với “Mongibello.”

Anh có một tấm vé tới Majorca - đi tàu tới Naples, rồi đi thuyền từ Naples tới Palma qua đêm 31 tháng 1 và mùng 1 tháng 2. Anh đã mua hai cái vali mới của Gucci, cửa hàng bán đồ da xịn nhất ở Rome: một chiếc vali rộng và mềm từ da linh dương, cái còn lại là một chiếc túi bằng vải bạt màu nâu sậm gọn gàng có quai da nâu. Cả hai đều có tên viết tắt của Dickie. Anh đã vứt cái vali cũ nát hơn trong hai cái vali của anh đi, cái còn lại thì anh giữ trong một cái tủ quần áo ở căn hộ của mình, dùng để chất đầy quần áo của chính anh, phòng khi khẩn cấp. Nhưng Tom không nghĩ sẽ có tình huống như thế xảy ra. Con thuyền máy ở San Remo chưa từng được tìm thấy. Ngày nào Tom cũng đọc báo để tìm bài viết về nó.

Một sáng trong khi Tom đang xếp đồ vào vali thì chuông cửa nhà anh vang lên. Anh đoán đó là một người vận động quyên góp hoặc ai đó nhầm nhà. Anh không có tên trên chuông cửa và cũng đã bảo người quản lý là anh không muốn đính tên lên cửa vì không muốn mọi người ghé qua chơi. Nó réo lên lần thứ hai và Tom vẫn lờ tịt đi, tiếp tục quá trình xếp đồ của mình. Anh thích làm việc này và dành rất nhiều thời gian cho nó, trọn một đến hai ngày, âu yếm cất quần áo của Dickie vào vali, thỉnh thoảng lại thử một cái áo sơ mi đẹp đẽ hoặc một cái áo khoác trước gương. Anh đang đứng trước một tấm gương, cài một cái áo sơ mi thể thao có họa tiết cá ngựa màu xanh dương và trắng của Dickie mà anh chưa từng mặc thì có tiếng gõ cửa vang lên.

Anh thoáng nghĩ đó có thể là Fausto, đúng là phong cách của anh ta khi săn tìm anh ở Rome và cố làm anh bất ngờ. Thật là ngớ ngẩn, anh tự nhủ. Nhưng tay anh ướt đẫm mồ hôi khi ra cửa. Anh cảm thấy yếu ớt và sự vô lý của trạng thái yếu ớt đấy cộng với mối nguy bị ngất xỉu rồi có người phát hiện ra anh nằm sõng soài trên sàn, khiến anh kéo giật cửa bằng cả hai tay, dù anh chỉ mở ra có vài phân.

“Xin chào!” Một giọng Mỹ vang lên từ hành lang tranh tối tranh sáng. “Dickie à? Freddie đây!”

Tom lùi lại một bước, mở cửa ra. “Anh ấy - Anh không vào à? Anh ấy không ở đây giờ này. Chắc một lát nữa anh ấy sẽ về ngay thôi.”

Freddie Miles bước vào trong, nhìn quanh quất. Khuôn mặt đầy tàn nhang xấu xí của anh ta dòm ngó đủ mọi chỗ. Làm thế quái nào mà anh ta tìm ra chỗ này chứ, Tom băn khoăn. Anh nhanh chóng tuột nhẫn ra và đút chúng vào túi áo. Còn gì nữa nhỉ? Anh liếc nhìn quanh phòng.

“Anh đang ở với cậu ấy à?” Freddie hỏi với ánh mắt trợn trừng trừng khiến khuôn mặt anh ta trông khá ngớ ngẩn và hơi đáng sợ.

“À, không. Tôi chỉ ở đây vài tiếng thôi,” Tom nói, thong thả cởi cái áo cá ngựa ra. Anh còn mặc một chiếc áo khác bên dưới. “Dickie ra ngoài ăn trưa rồi. Quán Otello, tôi nghĩ anh ấy đã bảo vậy. Muộn nhất là ba giờ anh ấy sẽ quay lại thôi.” Hẳn là một người nhà Buffi đã cho Freddie vào, Tom nghĩ, cho anh ta biết phải bấm cái chuông nào và cũng kể là anh Greenleaf có nhà. Hẳn Freddie đã nói mình là bạn cũ của Dickie. Giờ thì anh sẽ phải đuổi Freddie ra khỏi nhà mà không chạm mặt bà Buffi dưới gác, vì bà ta luôn hét lên, “Chào buổi sáng, anh Greenleaf.”

“Tôi đã gặp anh ở Mongibello phải không?” Freddie hỏi. “Anh không phải là Tom sao? Tôi tưởng anh cũng tới Cortina.”

“Tôi đã không thể đi được, cảm ơn. Cortina thế nào?”

“À, ổn. Có chuyện gì với Dickie vậy?”

“Anh ấy không viết thư cho anh à? Anh ấy đã quyết định dành mùa đông ở Rome. Anh ấy bảo tôi là sẽ viết thư cho anh.”

“Không một lời - trừ phi cậu ấy gửi thư tới Florence. Nhưng tôi đã ở Salzburg và cậu ấy cũng có địa chỉ ở đó.” Freddie ngồi nửa mông trên cái bàn dài của Tom, vò tấm lụa dài màu xanh lục. Anh ta mỉm cười. “Marge kể với tôi là cậu ấy đã chuyển tới Rome, nhưng cô ấy không có địa chỉ nào trừ American Express. Chỉ nhờ ăn may tôi mới tìm được căn hộ này của cậu ấy. Tối qua tôi gặp một người ở Greco tình cờ lại biết địa chỉ của cậu ấy. Cái ý tưởng này-”

“Ai thế?” Tom hỏi. “Một người Mỹ à?”

“Không, một thằng nhóc Ý. Chỉ là một đứa nhóc.” Freddie đang nhìn xuống giày của Tom. “Anh có cùng kiểu giày mà Dickie và tôi có. Chúng bền như mới phải không? Tôi đã mua đôi của tôi ở Luân Đôn cách đây tám năm.”

Chúng là đôi giày da của Dickie. “Đôi này mua ở Mỹ,” Tom nói. “Tôi mời anh uống nước được không hay là anh muốn thử tới Otello tìm Dickie? Anh có biết nó ở đâu không? Anh đợi ở đây cũng chẳng ích gì vì thường thì anh ấy sẽ ăn bữa trưa đến tận ba giờ. Tôi cũng sắp ra ngoài đây.”

Freddie đã bước về phía phòng ngủ và dừng lại, nhìn đống vali trên giường. “Dickie sắp đi đâu đó à hay cậu ta vừa về tới đây?” Freddie hỏi, quay người lại.

“Anh ấy sắp đi. Marge không kể với anh à? Anh ấy sẽ tới Sicily một thời gian.”

“Khi nào?”

“Ngày mai. Hoặc tối muộn hôm nay, tôi không chắc.”

“Này, dạo này Dickie có vấn đề gì vậy?” Freddie hỏi, cau mày. “Cậu ấy tự tách mình ra thế này là làm sao?”

“Anh ấy nói mùa đông này anh ấy đã làm việc rất nỗ lực,” Tom nói với giọng thoải mái. “Anh ấy có vẻ muốn được riêng tư, nhưng theo tôi biết thì anh ấy vẫn giữ mối quan hệ tốt đẹp với tất cả mọi người, kể cả Marge.”

Freddie lại mỉm cười, cởi cái áo khoác polo to đùng của mình ra. “Cậu ấy sẽ không giữ được mối quan hệ tốt đẹp với tôi nếu còn cho tôi leo cây thêm vài lần nữa. Anh có chắc là cậu ấy với Marge vẫn tốt đẹp không? Theo lời cô ấy thì tôi hiểu là họ đã cãi nhau. Tôi nghĩ có thể vì thế mà họ không tới Cortina.” Freddie nhìn anh chờ đợi.

“Theo tôi biết thì không.” Tom tiến về phía tủ để lấy áo khoác, để Freddie biết rằng anh muốn đi, rồi kịp thời nhận ra rằng cái áo khoác bằng vải flannel xám hợp với màu quần có thể bị nhận ra là đồ của Dickie, nếu Freddie từng thấy bộ vest của Dickie. Tom với lấy áo khoác trong và áo khoác ngoài của anh đang treo ở tận cùng bên trái tủ đồ. Vai áo khoác ngoài trông như thể nó đã nằm trên móc treo vài tuần rồi, mà đúng là như vậy. Tom quay người lại và thấy Freddie đang chăm chú nhìn cái vòng tay bạc định danh trên cổ tay trái của anh. Nó là của Dickie dù Tom chưa từng thấy anh ta đeo, anh tìm thấy nó trong hộp đựng khuy rời. Freddie đang nhìn nó như thể đã từng thấy nó rồi. Tom bình thản mặc áo khoác vào.

Freddie giờ đang nhìn anh với một biểu cảm khác, có phần ngạc nhiên. Tom biết anh ta đang nghĩ gì. Anh cứng người lại, cảm thấy có mùi nguy hiểm. Mày chưa hết nguy cơ đâu, anh tự nhủ. Mày chưa ra khỏi nhà đâu.

“Sẵn sàng đi chưa?” Tom hỏi.

“Anh sống ở đây, đúng không?”

“Không!” Tom phản đối, cười. Khuôn mặt lốm đốm tàn nhang xấu xí dưới bụi tóc đỏ quạch chăm chú nhìn anh. Giá họ có thể đi ra ngoài mà không chạm mặt bà Buffi dưới nhà, Tom nghĩ. “Đi nào.”

“Dickie tặng anh toàn bộ số đồ trang sức của cậu ấy, theo tôi thấy.”

Tom không thể nghĩ nổi một lời nào hay một câu đùa nào để nói. “À, cho mượn thôi,” Tom nói bằng giọng trầm nhất của mình. “Dickie chán đeo nó nên đã bảo tôi có thể dùng một thời gian.” Ý anh là cái vòng tay, nhưng rồi anh nhận ra còn cả cái kẹp cà vạt bạc trên cà vạt của mình nữa, nó có chữ G ở trên. Tom đã tự mua cái kẹp đó. Anh có thể cảm nhận sự thù địch đang dâng lên trong Freddie Miles một cách rõ ràng. Tựa như cơ thể đô con của anh ta đang tỏa ra một luồng nhiệt mà đứng tận bên kia phòng anh cũng có thể nhận thấy. Freddie là một con bò có thể nện nhừ tử một người mà anh ta nghĩ là đồng tính, đặc biệt trong hoàn cảnh thuận lợi như thế này. Tom sợ ánh mắt của anh ta.

“Phải, tôi sẵn sàng đi rồi,” Freddie nói một cách dứt khoát rồi đứng dậy. Anh ta đi ra cửa và đột nhiên quay phắt đôi vai rộng lại. “Cái quán Otello đó không xa Inghilterra đúng không?”

“Phải,” Tom nói. “Anh ấy đã đến đó lúc gần một giờ.” Freddie gật đầu. “Rất vui được gặp lại anh,” anh ta nói một cách hầm hè và đóng cửa lại.

Tom chửi thề. Anh mở hé cửa và lắng nghe tiếng lộc cộc gấp gáp khi giày của Freddie nện xuống nền cầu thang. Anh muốn bảo đảm anh ta ra ngoài mà không nói chuyện với một người trong nhà Buffi nữa. Và rồi anh nghe tiếng Freddie nói “Chào buổi sáng, thưa bà,” Tom rướn ra ngoài cầu thang. Dưới đó ba tầng, anh có thể nhìn thấy một phần ống tay áo của Freddie. Anh ta đang nói chuyện bằng tiếng Ý với bà Buffi. Giọng người phụ nữ vang lên rõ ràng hơn.

“… Chỉ có anh Greenleaf thôi,” bà ta đang nói. “Không, chỉ có một… Anh nào cơ?… Không, thưa anh… Tôi không nghĩ hôm nay anh ta đã ra ngoài, nhưng có thể tôi nhầm lắm chứ!” Bà ta cười.

Tom bóp tay vịn cầu thang như thể đó là cổ Freddie. Rồi anh nghe tiếng bước chân của Freddie chạy lên cầu thang. Tom lùi lại vào trong nhà và đóng cửa lại. Anh có thể khăng khăng tuyên bố rằng anh không sống ở đây, Dickie đang ở Otello, anh không biết Dickie ở đâu, nhưng Freddie sẽ không chịu ngừng lại cho tới khi tìm ra Dickie. Hoặc Freddie sẽ lôi cổ anh xuống nhà và hỏi bà Buffi anh là ai.

Freddie gõ cửa. Tay đấm cửa xoay tròn. Nó đã bị khóa. Tom nhặt một cái gạt tàn thủy tinh nặng trịch lên. Tay anh không thể giữ lấy nó mà phải cầm ở mép. Anh cố gắng nghĩ thêm hai giây nữa thôi: không còn lối thoát nào khác sao? Anh sẽ làm gì với cái xác? Anh không nghĩ ra. Đây là lối thoát duy nhất. Anh mở cửa bằng tay trái. Tay phải cầm gạt tàn của anh vung ra sau.

Freddie bước vào phòng. “Nghe này, anh có phiền nói cho tôi-”

Mép gạt tàn bo tròn đập xuống chính giữa trán anh ta. Freddie trông có vẻ choáng. Rồi đầu gối anh ta khuỵu xuống và anh ta gục xuống như một con bò tót bị búa đập vào giữa trán. Tom đá cửa vào. Anh tiếp tục nện mép gạt tàn vào gáy của Freddie hết lần này đến lần khác, sợ anh ta có thể chỉ đang giả vờ và một cánh tay khổng lồ của anh ta có thể đột ngột ôm lấy chân anh và lôi anh xuống. Tom đập sượt qua trán anh ta và máu chảy ra. Anh tự chửi mình. Anh chạy đi lấy một cái khăn từ phòng tắm và đặt nó dưới đầu của Freddie. Rồi anh sờ cổ tay anh ta xem có mạch đập không. Vẫn có, yếu ớt và nó có vẻ run rẩy tắt dần đi khi anh chạm vào, như thể áp lực từ các ngón tay anh khiến nó ngừng đập. Trong giây tiếp theo nó biến mất hẳn. Tom nghe xem có âm thanh nào sau cửa không. Anh mường tượng ra cảnh bà Buffi đang đứng sau cửa với nụ cười ngập ngừng mỗi khi cảm thấy mình đang lên quấy rầy. Nhưng không có gì hết. Chẳng có một tiếng động lớn nào, anh nghĩ thầm, dù là từ cái gạt tàn hay khi Freddie gục xuống. Tom nhìn xuống dáng vóc đồ sộ của anh ta trên sàn và đột nhiên cảm thấy ghê tởm và vô vọng.

Mới mười hai giờ bốn mươi, còn vài tiếng nữa trời mới tối. Anh tự hỏi liệu có ai đó đang chờ Freddie ở đâu đó không? Có thể là trong một cái ô-tô dưới nhà chẳng hạn? Anh lục túi anh ta. Một cái ví. Quyển hộ chiếu Mỹ trong túi ngực trái của áo khoác ngoài. Xu Ý lẫn với một loại xu khác. Một cái vỏ đựng chìa khóa. Có hai chìa khóa ô-tô trên một cái vòng có chữ Fiat. Anh lục ví tìm giấy đăng ký. Có rồi, với đầy đủ chi tiết: Fiat 1400 màu đen - mui trần - 1955. Anh có thể tìm được nó nếu nó nằm ở trong khu vực này. Anh lục tất cả các túi và cả túi trong của chiếc áo vest màu da bò để tìm vé đỗ xe, nhưng không thấy gì. Anh ra cửa sổ đằng trước rồi suýt mỉm cười vì mọi chuyện quá đơn giản: chiếc xe mui trần màu đen đang đỗ bên kia đường, gần như trực diện căn nhà. Anh không dám chắc nhưng anh nghĩ không có ai ở trong cả.